

Số 2384/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 18 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả thi và cấp chứng chỉ
Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 1011/QĐ-ĐHV ngày 31/8/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy trình tổ chức thi, cấp chứng chỉ Ứng dụng CNTT theo thông tư 17/2016/TTLT/BDGĐT-BTTTT;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1084/QĐ-ĐHV ngày 08/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc thành lập ban coi thi, chấm thi Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản cho học viên tại Trường Đại học Vinh thi ngày 11/11/2018;

Căn cứ hồ sơ kết quả chấm thi Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản cho học viên tại Trường Đại học Vinh thi ngày 11/11/2018;

Xét đề nghị của Trường phòng Tổ chức Cán bộ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản cho học viên đăng ký thi tại trường Đại học Vinh vào ngày 11 tháng 11 năm 2018.

Điều 2. Cấp chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản cho 138 học viên đạt yêu cầu (có danh sách kèm theo).

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Trường các đơn vị: Tổ chức Cán bộ, Giáo dục thường xuyên, Hành chính Tổng hợp, Kế hoạch - Tài chính, Viện Kỹ thuật - Công nghệ; Trường các đơn vị có liên quan và các học viên có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Lưu: HCTH, TCCB, GDTX.



GS.TS. Thái Văn Thành

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐẠT VÀ CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN THEO THÔNG TƯ SỐ 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT

(Kèm theo Quyết định số 2884 /QĐ-ĐHV ngày 28 / 11 / 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học

(Kỳ thi ngày 11/11/2018, tại Trường Đại học Vinh)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	
					Lý thuyết	Thực hành
1	Ông Vĩnh	An	29/04/1969	Thái Bình	8.0	7.0
2	Nguyễn Thị Giang	An	14/02/1970	Nghệ An	9.0	8.5
3	Nguyễn Thị Hoài	An	29/10/1988	Nghệ An	9.0	9.0
4	Lê Thị Nam	An	02/04/1980	Nam Định	6.5	7.0
5	Đậu Đức	Anh	03/07/1982	Nghệ An	7.5	6.5
6	Hồ Thị Vân	Anh	13/11/1986	Nghệ An	9.0	7.5
7	Lê Thục	Anh	08/12/1975	Nghệ An	8.0	8.0
8	Nguyễn Ngọc	Bích	03/12/1977	Thanh Hóa	9.5	9.5
9	Lê Danh	Bình	01/01/1974	Thanh Hóa	8.0	9.0
10	Phạm Thị	Bình	23/02/1971	Nghệ An	8.5	9.5
11	Bùi Thị	Cần	24/09/1980	Nghệ An	9.0	7.0
12	Phạm Thị Hải	Châu	28/05/1980	Hà Tĩnh	9.0	9.0
13	Nguyễn Thị Khánh	Chi	09/09/1984	Nghệ An	7.5	7.5
14	Lê Thị Sao	Chi	05/06/1976	Nghệ An	8.0	8.5
15	Kiều Phương	Chi	21/07/1979	Hà Tĩnh	9.0	8.5
16	Nguyễn Huy	Chiêu	07/03/1979	Nghệ An	9.0	8.0
17	Phan Huy	Chính	08/06/1969	Thanh Hóa	8.0	8.0
18	Phạm Vũ	Chung	20/03/1977	Nghệ An	6.0	7.0
19	Phạm Xuân	Chung	21/08/1977	Nghệ An	8.5	7.0
20	Nguyễn Thị	Chung	24/04/1975	Nghệ An	8.5	8.5
21	Nguyễn Thành	Công	17/05/1975	Nghệ An	6.5	7.0
22	Võ Văn	Đảng	02/02/1982	Hà Tĩnh	7.0	7.5
23	Nguyễn Quốc	Đảng	15/02/1974	Nghệ An	7.0	7.5
24	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	18/10/1982	Hà Tĩnh	9.0	6.5
25	Nguyễn Thị	Diệp	02/02/1969	Thái Nguyên	7.5	8.5
26	Nguyễn Thanh	Diệu	15/06/1978	Hà Tĩnh	8.0	8.0
27	Lê Văn	Đoài	24/12/1981	Nghệ An	8.5	8.5
28	Nguyễn Văn	Đông	24/01/1973	Nghệ An	6.5	6.0
29	Nguyễn Văn	Đức	09/01/1981	Hà Tĩnh	8.5	7.0
30	Đậu Xuân	Đức	20/05/1980	Hà Tĩnh	9.0	9.0
31	Trương Thị	Dung	25/03/1975	Thanh Hóa	9.0	8.0
32	Nguyễn Tiến	Dũng	13/11/1981	Nghệ An	7.5	8.5

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	
					Lý thuyết	Thực hành
33	Đoàn Quang	Dũng	07/08/1987	Hà Tĩnh	8.0	9.0
34	Nguyễn Xuân	Dũng	03/11/1975	Quảng Ninh	9.0	9.5
35	Võ Công	Dũng	12/05/1980	Nghệ An	7.0	9.5
36	Trần Thị	Gái	28/09/1986	Nghệ An	9.0	7.5
37	Cao Cự	Giác	29/04/1974	Nghệ An	8.0	9.0
38	Nguyễn Thị Châu	Giang	24/10/1976	Nghệ An	5.5	6.5
39	Lê Đức	Giang	18/06/1976	Thanh Hóa	8.5	9.0
40	Phan Thị	Giang	05/01/1982	Nghệ An	7.5	9.5
41	Đinh Thị Trường	Giang	31/10/1976	Nghệ An	8.0	9.5
42	Trương Thị Bình	Giang	19/12/1987	Nghệ An	8.5	9.5
43	Dương Xuân	Giáp	10/06/1984	Nghệ An	8.0	8.5
44	Võ Thị Thu	Hà	09/08/1976	Nghệ An	7.0	6.0
45	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	22/08/1979	Hà Tĩnh	8.0	7.5
46	Lê Thị Thúy	Hà	06/10/1970	Hà Tĩnh	7.5	8.0
47	Phan Thị Thúy	Hà	25/12/1984	Nghệ An	6.5	9.5
48	Dương Thị Thanh	Hải	28/08/1978	Thanh Hóa	8.0	8.0
49	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	30/08/1976	Nghệ An	8.0	8.5
50	Nguyễn Hoàng	Hào	04/04/1984	Nghệ An	9.0	9.5
51	Nguyễn Thị Bích	Hiền	09/09/1975	Nghệ An	7.0	9.5
52	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	01/07/1976	Thanh Hóa	8.0	9.5
53	Lê Duy	Hiếu	20/02/1984	Thanh Hóa	8.0	9.0
54	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	13/07/1982	Nghệ An	8.0	9.5
55	Dương Thị Mai	Hoa	15/02/1988	Nghệ An	8.5	7.5
56	Nguyễn Thị	Hoài	05/01/1978	Nghệ An	7.5	7.5
57	Nguyễn Bá	Hoành	10/02/1980	Nghệ An	9.5	9.0
58	Phạm Thị Thúy	Hồng	11/06/1984	Nghệ An	8.5	9.0
59	Nguyễn Mạnh	Hùng	12/06/1975	Thanh Hóa	7.0	8.5
60	Lê Thị	Hương	01/01/1986	Thanh Hóa	8.5	7.5
61	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	30/01/1975	Hà Tĩnh	7.5	9.0
62	Phạm Thị	Hương	09/06/1982	Thanh Hóa	7.5	9.0
63	Thái Thị Hồng	Lam	16/01/1975	Hà Tĩnh	8.5	9.0
64	Trần Thị Ngọc	Lan	22/03/1976	Nghệ An	5.5	7.0
65	Nguyễn Thị Hoa	Lê	22/06/1976	Hà Tĩnh	6.5	6.0
66	Vũ Thị Phương	Lê	30/04/1975	Nghệ An	8.0	9.5
67	Dương Thị	Linh	19/01/1975	Nghệ An	6.0	8.0
68	Nguyễn Thị Hồng	Loan	05/10/1974	Hà Tĩnh	9.0	9.0
69	Nguyễn Thị Xuân	Lộc	03/01/1976	Nghệ An	7.5	9.0
70	Trần Văn	Long	10/06/1989	Hà Tĩnh	8.5	8.0
71	Nguyễn Trí	Lục	20/07/1974	Nghệ An	6.5	7.0
72	Nguyễn Thị Hiền	Lương	22/09/1979	Nghệ An	8.0	8.0

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	
					Lý thuyết	Thực hành
73	Võ Thị Cẩm	Ly	04/12/1978	Nghệ An	6.5	8.0
74	Lê Thị Hải	Lý	18/01/1985	Nghệ An	8.5	7.5
75	Võ Thị Anh	Mai	11/11/1986	Hà Tĩnh	8.0	8.5
76	Lưu Văn	Mạnh	18/11/1995	Nghệ An	7.5	8.5
77	Biện Thị Quỳnh	Nga	08/12/1984	Hà Tĩnh	8.5	5.5
78	Hoàng Thị	Nga	04/11/1970	Nghệ An	8.0	6.5
79	Ngô Thị Quỳnh	Nga	30/01/1983	Thanh Hóa	8.5	8.0
80	Lê Thanh	Nga	09/06/1976	Nghệ An	6.5	8.5
81	Mai Thị Thanh	Nga	21/10/1979	Nghệ An	7.5	9.0
82	Mai Phương	Ngọc	25/09/1984	Thanh Hóa	8.0	9.0
83	Nguyễn Thị	Nhân	03/04/1976	Nghệ An	7.5	6.0
84	Phan Thị	Nhuân	18/12/1989	Nghệ An	6.5	8.0
85	Nguyễn Thị Phương	Nhung	04/12/1984	Nghệ An	7.5	8.0
86	Nguyễn Thị Phương	Nhung	28/03/1981	Hà Tĩnh	8.0	8.5
87	Phạm Thị	Oanh	24/02/1985	Nghệ An	6.5	8.5
88	Đặng Hoàng	Oanh	25/05/1986	Hà Tĩnh	7.0	9.0
89	Nguyễn Đình	Phi	20/02/1988	Nghệ An	8.5	9.5
90	Thiều Đình	Phong	01/11/1983	Hà Tĩnh	8.0	9.0
91	Đậu Hồng	Quân	27/04/1989	Hà Tĩnh	8.0	9.0
92	Lê Thị Hồ	Quang	13/12/1974	Nghệ An	7.5	8.0
93	Hồ Đình	Quang	09/05/1983	Nghệ An	9.5	9.0
94	Trần Đình	Quang	09/08/1966	Nghệ An	9.0	9.0
95	Trần Viết	Quang	05/01/1963	Nghệ An	7.5	9.0
96	Nguyễn Minh	Quyết	25/07/1991	Hà Tĩnh	8.5	8.5
97	Phạm Thị Như	Quỳnh	20/12/1979	Hà Tĩnh	8.5	8.0
98	Lê Thị Như	Quỳnh	16/12/1990	Hà Tĩnh	6.5	8.0
99	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	15/12/1987	Thanh Hóa	9.5	9.5
100	Nguyễn Văn	Sang	22/02/1983	Nghệ An	8.0	9.0
101	Phan	Sinh	02/04/1974	Thái Nguyên	6.0	7.5
102	Châu Hồng	Thắng	17/12/1971	Nghệ An	8.5	8.0
103	Nguyễn Chiến	Thắng	07/05/1979	Nghệ An	9.0	9.0
104	Chu Thị Hà	Thanh	30/10/1973	Hà Nội	6.0	7.5
105	Nguyễn Thị Trang	Thanh	09/03/1974	Thanh Hóa	7.5	9.0
106	Lê Văn	Thành	27/07/1978	Hà Tĩnh	9.5	8.0
107	Nguyễn Thị	Thảo	12/04/1980	Nghệ An	8.0	8.5
108	Nguyễn Thị	Thế	03/02/1975	Nghệ An	6.0	7.0
109	Nguyễn Thị Kim	Thị	06/01/1986	Thanh Hóa	6.0	8.0
110	Nguyễn Thị Hoài	Thu	11/06/1987	Hà Tĩnh	9.0	9.0
111	Ông Thị Mai	Thương	18/10/1985	Nghệ An	7.0	7.0
112	Võ Thị Hoài	Thương	30/10/1978	Hà Tĩnh	5.5	9.5

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	
					Lý thuyết	Thực hành
113	Đặng Như	Thường	12/12/1980	Nghệ An	8.0	9.0
114	Đỗ Thanh	Thủy	25/01/1982	Nghệ An	6.5	7.0
115	Phan Thị	Thùy	01/03/1987	Hà Tĩnh	7.5	9.0
116	Trần Thị	Thủy	11/12/1983	Hà Tĩnh	7.5	9.5
117	Nguyễn Thế	Tiến	06/01/1987	Thanh Hóa	8.0	9.0
118	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	30/09/1982	Nghệ An	6.5	7.5
119	Đinh Thị Huyền	Trang	17/06/1987	Hà Tĩnh	9.5	9.0
120	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	06/09/1982	Nghệ An	8.0	9.0
121	Lê Cảnh	Trung	06/05/1983	Hà Tĩnh	8.0	7.5
122	Nguyễn Văn	Trung	08/02/1978	Nghệ An	7.5	9.5
123	Phan Văn	Tuấn	04/09/1983	Nghệ An	6.5	7.5
124	Hồ Anh	Tuấn	01/09/1976	Nghệ An	8.0	8.0
125	Phan Thị Hồng	Tuyết	18/04/1971	Hà Tĩnh	7.0	9.0
126	Phan Thị Cẩm	Vân	06/08/1984	Nghệ An	8.5	7.5
127	Phạm Thị Thanh	Vân	02/03/1992	Nghệ An	7.5	9.5
128	Võ Thị Hồng	Vân	08/02/1981	Nghệ An	9.0	9.5
129	Nguyễn Ngọc	Việt	03/03/1963	Nghệ An	7.5	5.5
130	Nguyễn Thị	Việt	01/09/1985	Hà Tĩnh	7.0	9.5
131	Võ Thị	Vinh	27/08/1977	Nghệ An	7.5	6.0
132	Nguyễn Hồng	Vinh	29/09/1980	Hà Tĩnh	8.0	7.0
133	Nguyễn Thị Lê	Vinh	08/11/1978	Nghệ An	6.5	8.0
134	Lương Thị Thành	Vinh	04/04/1982	Hà Nội	8.0	9.0
135	Hoàng Thị Hải	Yến	11/01/1979	Nghệ An	7.5	7.0
136	Nguyễn Thị Hải	Yến	20/05/1982	Nghệ An	6.5	7.0
137	Hoàng Phan Hải	Yến	06/07/1981	Hà Tĩnh	7.5	9.0
138	Trần Thị Hoàng	Yến	14/10/1974	Nghệ An	8.0	9.0

Danh sách gồm có 138 người